

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐÓI TƯƠNG THỦ HƯỞNG
(Kèm theo giấy rút dự toán số 29 ngày 05 tháng 5 năm 2022)
Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi: ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: **TRƯỜNG MẦM NON 9**
2. Mã đơn vị: **1048792**
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: **TK : 083 008 410 290 001 ; tại : Ngân Hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Lý Thường Kiệt**
1. Nội dung đề nghị thanh toán:

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Lương và phụ cấp theo lương + thâm niên	Tiền công lao động thường xuyên theo HD	Tiền thu nhập tăng thêm (cuối năm)	Tiền thưởng theo QĐ : 3528/UBND ngày 24/9/2021 LPIT, CSTĐ	Trong đó:				Tiền khoản	Tiền học bổng	Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng						Phụ cấp ưu đãi 35%	PC hỗ trợ nhằm non 25-35 %	Chính sách thu hút GVNN theo nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND	Tiền hỗ trợ thu nhập tăng thêm NG03 quy 1/2022 cho HD 16/2016/NQ-HĐND	Phụ cấp trách nhiệm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9.1	9.2	9.3	9.4	9.4	10	11	12
Tổng số				333.277.526	170.514.904	20.867.152	-	-	55.195.560	45.830.910	39.700.000	-	149.000	1.000.000	
1	Đổi với công chức viên chức:			312.390.374	170.514.904	-	-	-	55.195.560	45.830.910	39.700.000	-	149.000	1.000.000	
1	Trần Thị Kiều Nhung	0102638288	NH Đông Á	13.818.823	8.447.373				2.685.725	2.685.725	-				
2	Nguyễn Thị Sánh	0102648657	NH Đông Á	14.515.046	8.955.856				2.779.595	2.779.595	-				
3	Nguyễn Thị Giang Thanh	0101386717	NH Đông Á	10.545.998	6.363.568				2.091.215	2.091.215	-				
4	Phạm Thị Hồng Vân	0101386707	NH Đông Á	14.170.647	8.168.527				2.597.070	1.855.050	1.550.000				
5	Hoàng Thị Thanh Bút	0107817636	NH Đông Á	12.643.226	7.052.346				2.357.180	1.683.700	1.550.000				
6	Ngô Hoàng Uyên Mì	0107817627	NH Đông Á	10.337.337	5.515.297				1.908.690	1.363.350	1.550.000				
7	Dương Thị Ngọc	0107817621	NH Đông Á	10.920.468	5.919.628				2.012.990	1.437.850	1.550.000				
8	Trần Thị Lệ Xuân	0101980518	NH Đông Á	10.025.217	5.319.397				1.840.895	1.314.925	1.550.000				
9	Nguyễn Thị Ngọc Thu	0107817785	NH Đông Á	9.545.035	5.018.015				1.736.595	1.240.425	1.550.000				
10	Hoàng Thị Bạch Ly	0102593937	NH Đông Á	10.882.677	5.515.297				1.908.690	1.908.690	1.550.000				
11	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	0104882302	NH Đông Á	10.239.720	5.417.680				1.908.690	1.363.350	1.550.000				
12	Đoàn Hoài Nam	0108660736	NH Đông Á	8.472.689	4.240.689				1.564.500	1.117.500	1.550.000				
13	Lê Thụy Anh Đào	0109963794	NH Đông Á	13.136.089	7.564.429				2.550.135	1.821.525	1.200.000				
14	Đào Vũ Uyên Duy	0110862343	NH Đông Á	10.459.350	5.646.250				1.903.475	1.359.625	1.550.000				
15	Đàm Thị Ngọc Loan	0101198837	NH Đông Á	9.613.585	5.077.625				1.741.810	1.244.150	1.550.000				
16	Phan Thị Kim Loan	0107817769	NH Đông Á	9.219.044	5.033.084				1.741.810	1.244.150	1.200.000				
17	Phạm Thị Nguyễn Thùy	0109940965	NH Đông Á	9.308.126	5.122.166				1.741.810	1.244.150	1.200.000				
18	Nguyễn Thị Châu Thanh	0107817652	NH Đông Á	10.238.057	5.523.297				1.846.110	1.318.650	1.550.000				

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:								Tiền học bổng	Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương + thâm niên	Tiền công lao động thường xuyên theo HD	Tiền thu nhập tăng thêm (cuối năm)	Tiền thưởng theo QĐ : 3528/UBND ngày 24/9/2021 LĐT, CSTĐ	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác					
									Phụ cấp ưu đãi 35%	PC hỗ trợ năm non 25-35%	Chính sách thu hút GVMN theo nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND	Tiền hỗ trợ thu nhập tăng thêm NQ03 quý 1/2022 cho HD 161/2018/NQ-HĐND		
19	Nguyễn Thị Thu Thủy	0107817761	NH Đông Á	8.743.949	4.485.129				1.580.145	1.128.675	1.550.000			
20	Trần Thị Kiều	0107817788	NH Đông Á	8.845.419	4.485.129				1.580.145	1.580.145	1.200.000			
21	Nguyễn Thị Hộ	0107817287	NH Đông Á	8.313.136	4.404.316				1.580.145	1.128.675	1.200.000			
22	Lê Thị Thu Dung	0103295125	NH Đông Á	7.935.389	3.953.709				1.418.480	1.013.200	1.550.000			
23	Sư Thị Ngọc Châu	0107817285	NH Đông Á	8.044.207	4.062.527				1.418.480	1.013.200	1.550.000			
24	Phạm Kim Hiền	0108655242	NH Đông Á	9.905.804	5.208.179				1.903.475	1.244.150	1.550.000			
25	Trần Thị Hà	0109438625	NH Đông Á	6.729.088	3.374.548				1.256.815	897.725	1.200.000			
26	Võ Thị Mỹ Linh	0109943289	NH Đông Á	6.825.503	3.470.963				1.256.815	897.725	1.200.000			
27	Trần Thị Thanh Thao	0109953669	NH Đông Á	6.729.088	3.374.548				1.256.815	897.725	1.200.000			
28	Nguyễn Thị Thủy Trang	0107817774	NH Đông Á	9.611.116	5.352.336				1.804.390	1.804.390	650.000			
29	Nguyễn Song Hà Ny	0110899069	NH Đông Á	6.138.753	2.747.113				1.074.290	767.350	1.550.000			
30	Nguyễn Thị Bích Ngọc	0110899902	NH Đông Á	6.138.753	2.747.113				1.074.290	767.350	1.550.000			
31	Nguyễn Thị Minh Thư	0110891260	NH Đông Á	6.138.753	2.747.113				1.074.290	767.350	1.550.000			
32	Nguyễn Thị Hồng Tâm	0108259456	NH Đông Á	7.797.349	5.587.574				-	1.560.775		149.000	500.000	
33	Nguyễn Kim Quỳnh Như	0101386776	NH Đông Á	6.402.933	4.614.083				-	1.288.850			500.000	
II	Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP			20.887.152	-	20.887.152	-	-	-	-	-	-	-	
1	Phạm Thanh Phú	0110218883	NH Đông Á	4.232.813		4.232.813								
2	Nguyễn Dương	0109570919	NH Đông Á	4.232.813		4.232.813								
3	Ôn Thị Thanh Thanh	0108307286	NH Đông Á	4.232.813		4.232.813								
4	Mai Thị Nguyệt	0109996616	NH Đông Á	4.232.813		4.232.813								
5	Bùi Diễm Tú Minh	0109429054	NH Đông Á	3.955.900		3.955.900								
III	Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Nguyễn Thị Hồng Gấm	0108209444	NH Đông Á	-										
2	Lê Thị Yến Trinh	0109280578	NH Đông Á	-										
3	Bùi Thị Hương Huệ	079178021922	NH Đông Á	-										

Tổng số tiền bằng chữ: **Ba trăm ba mươi ba triệu hai trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm hai mươi sáu đồng.**

II. Phân thuyết minh thay đổi so với tháng trước: chênh lệch so với tháng 4 = 333.277.526 - 313.620.101 = 19.657.425đ tăng so với tháng 4 do : tháng 5 truy lương cho 2 giáo viên; 2 giáo viên thai sản vào làm lại.

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Lương và phụ cấp theo lương + thâm niên	Tiền công lao động thường xuyên theo HĐ	Tiền thưởng thu theo QĐ: 35284/BN D ngày 24/9/2021 LĐT.T. CSTD	Trong đó:					Tiền khoản	Tiền học bổng	Chi chi
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng					Tiền phụ cấp và trợ cấp khác							
								Phụ cấp ưu đãi 35%	PC hỗ trợ miễn mon 25-35%	Chính sách thu hút GVNN theo nghị quyết số 04/2017/QH-HĐND	Tiền hỗ trợ thu nhập tăng thêm NQ03 qua 1/2022 cho HD 16/2018/NQ-HĐND	Phụ cấp trách nhiệm			

Người lập

Nguyễn Thị Hồng Tâm

PT - Kế toán

Nguyễn Thị Hồng Tâm

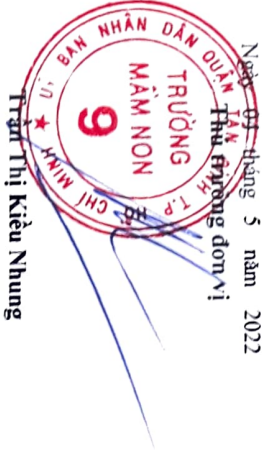
KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Chuyên viên kiểm soát chi / Giao dịch viên

Ngày 05 tháng 5 năm 2022

Trưởng đơn vị

Trần Thị Kiều Nhung



Ngày.....thángnăm

Giám đốc BKNV cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng được ủy quyền/ Giám đốc KBNN quận, huyện